

Bản án số: **76/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 12 - 10 - 2017

V/v: “Xin ly hôn,
tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu In

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Liễu

2. Ông Trương Hoài Khanh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Rạch Giá, Kiên Giang.

Ngày 12 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 108/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2017, về việc “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thanh T, sinh năm 1987 (*có mặt*).

HKTT: Số 293 đường Trần Phú, khu phố 3, phường Vĩnh Thanh Vân, Tp.
Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 112 tổ 5, ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Kiên Giang

* *Bị đơn:* Anh Khuru Trí C, sinh năm 1987 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Số 293 đường P, khu phố 3, phường V, Tp. G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20/02/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Đỗ Thanh T trình bày: Tôi và anh C tự nguyện quen nhau, có tổ chức lễ cưới năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường V, Tp. G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/6/2009.

Sau khi cưới vợ chồng về chung sống tại địa chỉ 293 đường P, khu phố 3, phường V, Tp. G, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến giữa năm 2015 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, do anh C không lo tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ

con. Khoảng thời gian gần đây anh C có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài, thường xuyên bỏ nhà qua đêm, vợ chồng có mâu thuẫn về kinh tế nên thường xuyên xảy ra cự cãi, bất hòa; mặc dù chị T và anh C đã tự hòa giải để đoàn tụ và được hai bên gia đình hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên sâu sắc và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 12 năm 2016 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị T làm đơn xin ly hôn với anh C.

- Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 01 người con chung tên Khuru Phúc K, sinh ngày 04/7/2011, hiện nay đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T xác định không có.

* Bị đơn anh Khuru Trí C đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh C không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* **Về thủ tục tố tụng:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Khuru Trí C vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt anh Khuru Trí C.

* **Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:** Nguyên đơn chị Đỗ Thanh T khởi kiện xin ly hôn với anh Khuru Trí C; yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Khuru Phúc Khang, sinh ngày 04/7/2011, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

* **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Đỗ Thanh T và anh Khuru Trí C kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Thanh Vân, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận

kết hôn ngày 06/6/2009, nên theo quy định tại Điều 11 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân xin ly hôn chị T xác nhận là do tính tình không hòa hợp, do anh C không lo tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Khoảng thời gian gần đây anh C có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài, thường xuyên bỏ nhà qua đêm; vợ chồng có mâu thuẫn về kinh tế nên thường xuyên xảy ra cự cãi, bất hòa; mặc dù chị T và anh C đã tự hòa giải để đoàn tụ và được hai bên gia đình hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên sâu sắc và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 12 năm 2016. Nay chị T xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn với anh C. Phía anh C không có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng chị T và anh C không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc; thời gian anh chị sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó áp dụng khoản 1 Điều 89 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 01 người con chung tên Khuru Phúc Khang, sinh ngày 04/7/2011, hiện nay đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Khang, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh chị sống ly thân đến nay cháu Phúc Khang sống chung với chị T, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Phúc Khang cho chị T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng; chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T xác định không có.

Do anh C không có ý kiến tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này có phát sinh tranh chấp về các vấn đề trên anh C có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

*** Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc chị Đỗ Thanh T phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị T được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí

300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003470 ngày 03/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng các Điều 89, 91, 92, 94, 95 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thanh T được ly hôn với anh Khru Trí C.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Khru Phúc Khang, sinh ngày 04/7/2011 cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Anh Khru Trí C được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Chị Đỗ Thanh T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Chị Đỗ Thanh T xác định không có.

5/ Về án phí: Buộc chị Đỗ Thanh T phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị T được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003470 ngày 03/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; nên chị T không phải nộp thêm.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THU IN

